

Số: 1387/GDDT
Về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra
định kì cuối học kì cấp tiểu học
năm học 2022-2023

Quận 1, ngày 12 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường tiểu học.

Căn cứ Công văn số 4093 /SGDDT-GDTH ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp tiểu học năm học 2022 - 2023;

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì cấp tiểu học năm học 2022 - 2023 như sau:

1. Mục tiêu

- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

- Tuyệt đối không tạo ra áp lực kiểm tra định kì đối với học sinh, chỉ xem như một hoạt động đánh giá thông thường hằng ngày dành cho các em.

- Kết quả đánh giá học sinh là căn cứ giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình dạy học, giáo dục.

2. Thời gian

Căn cứ vào thời gian lịch dạy học năm học 2022-2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo; căn cứ vào phân phối chương trình, yêu cầu cần đạt và chuẩn kiến thức kỹ năng của từng khối lớp; các trường tiểu học khi tổ chức kiểm tra định kì các môn học cần sắp xếp hợp lý, phù hợp, cân đối giữa các khối lớp theo kế hoạch năm học; đồng thời linh hoạt bố trí tránh cận các ngày lễ được Nhà nước quy định trong năm hoặc các ngày có ý nghĩa khác.

3. Tổ chức ôn tập, phụ đạo cho học sinh

Trường tiểu học cần xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh tiếp thu kiến thức còn chậm, chưa đảm bảo theo yêu cầu cần đạt và chuẩn kiến thức kỹ năng; cần thông báo lịch kiểm tra, phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho giáo viên, học sinh và gia đình các em.

Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với lớp học 2 buổi/ngày; không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc học sinh làm, không tổ chức học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập.

4. Việc tổ chức kiểm tra định kì

4.1. Đối với lớp 1, 2, 3

Thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Đề kiểm tra phù hợp yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với từng khối lớp, từng mạch kiến thức, kỹ năng và cách triển khai các mạch này trong sách giáo khoa nhà trường sử dụng, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;
- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;
- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Giáo viên cần soạn ma trận đề trước khi soạn đề kiểm tra, ma trận đề của mỗi giáo viên cần được tổ chuyên môn thống nhất, cán bộ quản lý xem và góp ý trước khi có thể sử dụng để biên soạn đề.

4.2. Đối với lớp 4, 5

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 3694/GDDĐT-TH ngày 24/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp tiểu học kể từ năm học 2018-2019.

4.3. Hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học: Xem phụ lục đính kèm.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị hiệu trưởng các trường tiểu học tổ chức hướng dẫn cho các thành viên hội đồng sư phạm nắm vững yêu cầu, nhiệm vụ để thực hiện nghiêm túc việc đánh giá học sinh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tr.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trịnh Thị Kim Quý

PHỤ LỤC : HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ THEO TỪNG MÔN HỌC

(Đính kèm theo công văn số *1387* /GDDT ngày 12 tháng 12 năm 2022)

1. TIẾNG VIỆT

1.1. Về ma trận

Xây dựng ma trận cho cả năm học, từ đó xác định những kiến thức, kỹ năng cần đánh giá ở mỗi kì. Ma trận được xây dựng cần có sự bàn bạc, thống nhất trong tổ, khối chuyên môn. Linh hoạt điều chỉnh tỉ lệ điểm giữa đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng với kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết kỹ thuật với kỹ năng viết đoạn văn, văn bản đối ở mỗi khối lớp. Linh hoạt điều chỉnh tỉ lệ cho các mức độ câu hỏi, bài tập.

1.2. Về nội dung

Thiết kế đề đánh giá định kì theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Khuyến khích sử dụng văn bản ở ngoài sách giáo khoa cho các nội dung đánh giá. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng được học vào giải quyết vấn đề; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập mang tính lý thuyết hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

1.3. Về hình thức

Bài đánh giá định kì cần được thiết kế khoa học, diễn đạt trong sáng; Tránh tách rời các nội dung thành nhiều bài đánh giá.

1.4. Về đáp án và biểu điểm

Soạn chi tiết cho từng nội dung đánh giá.

2. TOÁN

2.1. Về ma trận

Căn cứ theo Phụ lục 2 Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp đã được xây dựng trong kế hoạch giáo dục nhà trường đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3; căn cứ vào nội dung dạy học, hệ thống các chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình của môn học đối với lớp 4 và lớp 5 để xác định yêu cầu cần đạt, phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi nội dung cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng mức độ nhận thức.

Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình để xây dựng ma trận cân đối giữa các mạch kiến thức, có thể linh hoạt để lồng ghép các mạch kiến thức.

Đối chiếu từng nội dung kiểm tra với bảng tiêu chí quy định các mức độ nhận thức theo Thông tư 27 đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3; theo Thông tư 22 đối với lớp 4 và lớp 5 để quyết định câu hỏi ở mức độ nhận thức nào.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3: mức 1 khoảng 50%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%.

Tỉ lệ giữa các mức độ nhận thức đối với lớp 4 và lớp 5: mức 1 khoảng 40%, mức 2 khoảng 30%, mức 3 khoảng 20%, mức 4 khoảng 10%.

Sau khi lập bảng ma trận hai chiều cần kiểm tra lại toàn bộ các thông số để đảm bảo đúng cấu trúc, đủ lượng câu hỏi, đúng tỉ lệ điểm cho các mức độ nhận thức; đảm bảo tỉ lệ giữa các mạch kiến thức; tỉ lệ giữa hai hình thức trắc nghiệm, tự luận.

2.2. Về nội dung

Căn cứ vào ma trận đã thiết kế để xây dựng hệ thống câu hỏi, nên đa dạng hình thức trắc nghiệm. Nội dung cần tập trung kiểm tra sẽ được ưu tiên chọn trước, các nội dung khác sẽ được cân nhắc lựa chọn sau.

Các câu hỏi phải đảm bảo tính chặt chẽ, logic với câu lệnh rõ ràng.

Mỗi mức độ nhận thức phải đảm bảo phân hóa được đối tượng học sinh trong quá trình đánh giá. Tránh ra nhiều các câu hỏi quá dễ (HS nào cũng làm được) hoặc những câu hỏi quá khó (không HS nào làm được).

2.3. Về hình thức

Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

2.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

3. MÔN KHOA HỌC, LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

3.1. Về ma trận

Nội dung kiểm tra, giáo viên cần tập trung vào kiến thức cốt lõi và yêu cầu cần đạt, không đánh đố, gây khó cho học sinh. Giáo viên xây dựng ma trận theo 4 mức độ trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

3.2. Về nội dung

Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung, các yêu cầu đã được giảm tải, các bài không dạy hoặc ở bài đọc thêm trong văn bản hướng dẫn điều chỉnh (công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 1 tháng 9 năm 2011 về việc Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông và các nội dung hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học);

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan và toàn diện.

Giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động, trò chơi Đồ em hoặc các hoạt động thư giãn có liên quan đến kiến thức Khoa, Sử Địa ...

Khuyến khích giáo viên có nhiều hình thức tổ chức cho phụ huynh học sinh tiếp cận với lớp học trong việc phối hợp giáo dục các em.

Môn Khoa học: Kiểm tra cho điểm cuối học kì 1 và cuối năm.

Môn Lịch sử - Địa lí: Kiểm tra cho điểm cuối học kì I và cuối năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

3.3. Về hình thức

Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Số lượng câu hỏi không quá 8 câu cho mỗi bài kiểm tra. Đề kiểm tra có cấu trúc như sau:

3.3.1. Môn Khoa học

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

3.3.2. Môn Lịch sử - Địa lí

- Phần Lịch sử (5 điểm):

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lí (5 điểm):

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...)

- Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

4. MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (LỚP 3)

4.1. Về ma trận

Căn cứ vào nội dung chương trình để xây dựng ma trận và nội dung đề kiểm tra. Giáo viên xây dựng ma trận theo 3 mức độ (đối với lớp 1, 2, 3) và 4 mức độ (đối với lớp 4, 5) trước khi thực hiện soạn đề kiểm tra.

4.2. Về nội dung

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em; đảm bảo công bằng, khách quan và toàn diện.

Đối với môn Tin học ở lớp 1, 2: Đây là hoạt động giáo dục theo nhu cầu, do đó việc tổ chức kiểm tra chỉ nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Nội dung kiểm tra xoay quanh các kĩ năng học sinh đã được làm quen.

Đối với môn Tin học lớp 3: Môn Tin học là môn học bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 3 kể từ năm học 2022-2023, điểm kiểm tra được sử dụng

để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Tin học xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.

Đối với môn Tin học ở lớp 4, 5: Đây là môn học tự chọn trong Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh (đối với các học sinh có đăng ký học tự chọn môn tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kì.

Đối với môn Công nghệ lớp 3: Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lí các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

3.3. Về hình thức

* Môn Tin học

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:

+ Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:

+ Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, 2, 3)

+ Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%, (đối với lớp 4, 5)

* Môn Công nghệ (lớp 3)

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

5. NGOẠI NGỮ 1

5.1. Về ma trận

Xây dựng nội dung ma trận đề của từng khối lớp căn cứ vào nội dung dạy học kiến thức, kĩ năng được quy định trong từng bộ tài liệu chính thức, không sử dụng nội dung trong các tài liệu/phần mềm hỗ trợ, để xác định yêu cầu cần đạt.

Phạm vi và nội dung kiểm tra đến thời điểm kết thúc học kì 1.

Số lượng câu hỏi môn ngoại ngữ 1 theo tỉ lệ mức độ khó sau:

Mức 1 khoảng 50%,

Mức 2 khoảng 30%,

Mức 3 khoảng 20%.

5.2. Về nội dung

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học. Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kì đối với môn Ngoại ngữ 1 ở khối lớp 3, 4 và 5; đối với khối lớp 1 và 2 chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kì của học sinh.

5.3. Về hình thức

Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.
- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

5.4. Về đáp án và biểu điểm chấm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói.

Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể có điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng). Điểm ghi vào học bạ sẽ là điểm trung bình đã làm tròn số của 4 kỹ năng trên.